

THỦ TƯỚNG CHÍNH
PHỦ
Số: 241-TTg

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 24 tháng 5 năm 1993

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành quy chế Đại học tư thực

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. - Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế đại học tư thực. Bản Quy chế này quy định những điều khoản cơ bản về thể thức thành lập, quản lý và điều hành các đại học tư thực nhằm đảm bảo chất lượng đào tạo của đại học tư thực và tạo điều kiện thuận lợi cho đại học tư thực phát triển.

Điều 2. - Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo chịu trách nhiệm hướng dẫn việc thi hành Quy chế này.

Điều 3. - Bộ trưởng các Bộ, Thủ trưởng các cơ quan ngang Bộ và các cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban Nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

QUY CHẾ

ĐẠI HỌC TƯ THỰC

(Ban hành kèm theo Quyết định số 240-TTg 24-5-1993 của Thủ tướng Chính phủ).

CHƯƠNG I

CÁC ĐIỀU KHOẢN CHUNG

Điều 1. - Đại học tư thực là các cơ sở đại học do tư nhân lập ra theo Quy chế này và kinh phí hoạt động do tư nhân đầu tư hoặc đóng góp.

Cũng như các đại học công lập, đại học bán công và đại học dân lập, đại học tư thực là cơ sở đào tạo thuộc hệ thống đại học của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, đặt dưới sự quản lý Nhà nước của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Điều 2. - Đại học tư thực khác đại học công lập, bán công và dân lập ở nguồn đầu tư xây dựng, kinh phí hoạt động và phương thức quản lý, nhưng đều nhằm mục tiêu nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực và bồi dưỡng nhân tài cho đất nước. Căn cứ nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội và hiệu quả đào tạo của từng đại học tư thực, Nhà nước có thể xét hỗ trợ một phần kinh phí.

Điều 3. - Việc thành lập đại học tư thực do Thủ tướng Chính phủ quyết định trên cơ sở đề nghị của Bộ Giáo dục và Đào tạo và do Bộ Giáo dục và Đào tạo cấp giấy phép hoạt động.

Điều 4. - Đại học tư thực thành lập theo Quy chế này có tư cách pháp nhân.

Hoạt động của Đại học tư thực không được trái pháp luật, có hại đến an ninh quốc gia, trái với truyền thống đạo đức, văn hoá của dân tộc.

CHƯƠNG II

THÀNH LẬP ĐẠI HỌC TƯ THỰC

Điều 5. - Các cá nhân, các tổ chức kinh tế, xã hội đều được quyền đứng tên hoặc cùng đứng tên xin thành lập Đại học tư thực. Đối với cá nhân người nước ngoài, Việt kiều và các tổ chức tôn giáo, có quy định riêng.

Điều 6. - Muốn thành lập Đại học tư thực, trước hết phải tổ chức Hội đồng sáng lập bao gồm:

Chủ (hoặc các chủ) đầu tư xây dựng Đại học tư thực.

Các nhà giáo, nhà khoa học và nhà quản lý giáo dục đại học được chủ đầu tư tín nhiệm mời hỗ trợ thành lập Đại học tư thực.

Hội đồng sáng lập phải gửi đến Bộ Giáo dục và Đào tạo đơn xin phép thành lập Đại học tư thực trong đó ghi rõ:

1. Tên Đại học tư thực,
2. Mục tiêu, nhiệm vụ, nội dung đào tạo và tổ chức quá trình đào tạo,
3. Địa điểm và quy hoạch xây dựng,
4. Tổng số vốn và tài sản ban đầu.

Đơn xin thành lập phải gửi kèm danh sách các thành viên Hội đồng sáng lập cùng với lý lịch hoạt động khoa học và giáo dục, hoạt động xã hội và hoạt động kinh doanh của từng người. Chỉ sau khi được Bộ Giáo dục và Đào tạo chấp nhận và cho phép Hội đồng sáng lập của Đại học tư thực mới được hoạt động.

Điều 7. - Trong thời hạn tối đa một năm kể từ ngày được phép hoạt động, Hội đồng sáng lập phải gửi Bộ Giáo dục và Đào tạo bản tự thảo đề án tổ chức và Điều lệ hoạt động của Đại học tư thực theo hướng dẫn của Bộ.

Điều 8. - Sau khi thẩm tra và chấp thuận bản dự thảo đề án tổ chức và dự thảo Điều lệ nêu trên, Bộ giáo dục và Đào tạo cấp cho Hội đồng sáng lập giấy phép mở trường.

Sau khi được phép mở trường, Hội đồng sáng lập tiến hành:

Hoàn thiện cơ sở vật chất của trường.

Đề cử Hội đồng quản trị (theo điều 11 dưới đây) và báo cáo đề Bộ Giáo dục và Đào tạo kiểm tra lại. Nếu chấp thuận, Bộ Giáo dục và Đào tạo trình Thủ tướng Chính phủ quyết định cho phép Đại học tư thực thành lập và chính thức hoạt động.

Bộ Giáo dục và đào tạo phê duyệt Hội đồng quản trị Đại học tư thực và cấp giấy phép cho Đại học tư thực được chính thức hoạt động

CHƯƠNG III

TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ

A. CƠ CẤU TỔ CHỨC

Điều 9. - Căn cứ vào mục tiêu, nhiệm vụ và quy mô của môi trường; cơ cấu tổ chức của Đại học tư thực gồm có:

1. Các khoa đào tạo,
2. Các đơn vị nghiên cứu khoa học,
3. Các đơn vị hành chính, phục vụ.

Các tổ chức trên và các Hội đồng tư vấn được lập ra phải phù hợp với Quy chế này được quy định trong Điều lệ của trường.

B. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 10. - Hội đồng quản trị có toàn quyền định ra kiểm tra, đánh giá mọi hoạt động của Đại học tư thực.

Thành phần và số lượng thành viên của Hội đồng quản trị do Hội đồng sáng lập ấn định, trong đó:

1. Không quá 2/3 số thành viên đại diện cho các chủ đầu tư do Hội đồng sáng lập (người được cấp giấy phép) giới thiệu.
2. Ít nhất phải có 1/4 số thành viên do Bộ trưởng Bộ Giáo dục trực tiếp chỉ định.
3. Ít nhất 2 thành viên đại diện cho đội ngũ cán bộ giảng dạy của Đại học tư thực, do đội ngũ cán bộ giảng dạy thường trực của Đại học tư thực bầu ra.

Điều 11. - Hội đồng quản trị có nhiệm vụ và quyền hạn:

1. Xác định quy mô và ngành, nghề đào tạo, kế hoạch tuyển sinh, chương trình giảng dạy và nghiên cứu khoa học.
2. Đề ra các biện pháp nhằm hoàn chỉnh nội dung, chương trình giảng dạy và cơ sở vật chất kỹ thuật của Đại học tư thực, hoàn thiện và nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo và nghiên cứu khoa học của Đại học

tư thực.

3. Trình đề Bộ Giáo dục và Đào tạo xét duyệt và chấp thuận về việc sửa đổi, bổ sung điều lệ tổ chức và hoạt động của Đại học tư thực.

4. Quyết định việc thành lập, hợp nhất, giải tán các đơn vị cơ sở của Đại học tư thực, thông qua biên chế của Đại học tư thực.

5. Cử ra hoặc cách chức Hiệu trưởng, các Phó Hiệu trưởng; riêng với Hiệu trưởng phải có sự phê chuẩn của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

6. Quyết định việc phân phối vốn vào các quỹ của Đại học tư thực và quy định việc sử dụng các quỹ đó. Phê chuẩn quyết toán hàng năm của Đại học tư thực.

7. Quy định các chế độ tuyển dụng, tiền lương, tiền công, phụ cấp của giáo viên, cán bộ, nhân viên; chế độ học phí, học bổng của sinh viên.

8. Thông qua kế hoạch, báo cáo công tác từng quý và cả năm của Hiệu trưởng.

Giám sát, kiểm tra hoạt động của các đơn vị trong Đại học tư thực

9. Thông qua các kế hoạch hợp tác quốc tế của Đại học tư thực (nếu có).

10. Quyết định những vấn đề khác không thuộc trách nhiệm của riêng người nào trong bộ máy lãnh đạo Đại học tư thực.

Hội đồng quản trị của Đại học tư thực họp thường kỳ 6 tháng một lần.

Điều 12. - Nhiệm kỳ của các thành viên Hội đồng quản trị là 5 năm.

Điều 13.- Chủ tịch Hội đồng quản trị là người lãnh đạo và chủ trì các cuộc họp của Hội đồng quản trị, giám sát kiểm tra hoạt động của Hiệu trưởng giữa 2 kỳ họp của Hội đồng quản trị.

Chủ tịch Hội đồng quản trị phải là công dân Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam được bầu tại phiên họp đầu tiên của Hội đồng quản trị do đại diện của Bộ Giáo dục và Đào tạo chủ trì.

C. HIỆU TRƯỞNG

Điều 14. - Hiệu trưởng là người quản lý và điều hành mọi hoạt động của Đại học tư thực.

Nhiệm kỳ của Hiệu trưởng là 4 năm.

Hiệu trưởng điều hành công việc của Đại học tư thực theo luật pháp và các chính sách của Nhà nước, các quy định, quy chế của Bộ giáo dục và Đào tạo cũng như Điều lệ của trường.

Điều 15. - Bộ Giáo dục và Đào tạo có thể yêu cầu Hội đồng quản trị cách chức Hiệu trưởng nếu Hiệu trưởng không hoàn thành nhiệm vụ hoặc có hành động vi phạm nghiêm trọng luật pháp, vi phạm những quy định trong Quy chế này.

Điều 16. - Hiệu trưởng có quyền hạn và nhiệm vụ:

1. Đại diện cho Đại học tư thực trước pháp luật.